32. TƯƠNG ƯNG THẦN MÂY
(*VALĀHAKASAṂYUTTA*)

I. KINH CHỦNG LOẠI (*Suddhikasutta*)[1] (*S.* III. 254)

550. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về chư thiên thuộc loại thần mây. Hãy lắng nghe.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là chư thiên thuộc loại thần mây? Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây lạnh. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây nóng. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây sấm. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây gió. Có chư thiên, này các Tỷ-kheo, thuộc loại mây mưa.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, họ được gọi là chư thiên thuộc loại thần mây.

II. KINH THIỆN HẠNH (*Sucaritasutta*) (*S.* III. 254)

551. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây!" Sau khi thân hoại mạng chung, loại [chúng sanh] ấy được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây.

---

[1] Bản tiếng Anh của PTS: *Exposition*, nghĩa là *Diễn giải*. Bản Hán: *Phẩm loại* 品類 (*N.*15. 0006.32.1. 0381a05).

III-XII. NHÓM 10 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY LẠNH, V.V… (*Sītavalāhakadānūpakārasuttadasaka*)[2] (*S.* III. 255)

552-561. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây lạnh được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh!"

Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây lạnh.

XIII-LII. NHÓM 40 KINH BỐ THÍ HỖ TRỢ THÀNH THẦN MÂY NÓNG, V.V… (*Uṇhavalāhakadānūpakārasuttacālīsaka*) (*S.* III. 255)

562-601. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây nóng… chư thiên thuộc loại mây sấm… chư thiên thuộc loại mây gió… chư thiên thuộc loại mây mưa?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có loại [chúng sanh] làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời nói, làm thiện hạnh về ý. Họ được nghe như sau: "Chư thiên thuộc loại thần mây mưa được thọ mạng lâu dài, nhan sắc thù thắng, hưởng thọ nhiều lạc."

Họ suy nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, chúng ta được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa!"

Họ bố thí đồ ăn... Họ bố thí đèn, dầu. Sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, ở đây, một loại [chúng sanh], sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư thiên thuộc loại thần mây mưa.

---

[2] Tên nhóm kinh này và nhóm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Supporters by Offerings*, nghĩa là *Hỗ trợ bằng bố thí.*

LIII. KINH THẦN MÂY LẠNH (*Sītavalāhakasutta*)[3] (*S.* III. 256)

602. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời lạnh?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây lạnh. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời lạnh.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời lạnh.

LIV. KINH THẦN MÂY NÓNG (*Uṇhavalāhakasutta*)[4] (*S.* III. 256)

603. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời nóng?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây nóng. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời nóng.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời nóng.

LV. KINH THẦN MÂY SẤM (*Abbhavalāhakasutta*)[5] (*S.* III. 256)

604. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời sấm?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây sấm. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời sấm.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời sấm.

LVI. KINH THẦN MÂY MƯA GIÓ (*Vātavalāhakasutta*)[6] (*S.* III. 256)

605. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời gió?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây gió. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời gió.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời gió.

---

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Cool*, nghĩa là *Lạnh*.
[4] Bản tiếng Anh của PTS: *Hot*, nghĩa là *Nóng*.
[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Thurder-cloud*, nghĩa là *Sấm*.
[6] Bản tiếng Anh của PTS: *Winds*, nghĩa là *Gió*.

LVII. KINH THẦN MÂY MƯA (*Vassavalāhakasutta*)[7] (*S.* III. 256)

606. Nhân duyên ở Sāvatthi.

Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, có khi trời mưa?

– Này Tỷ-kheo, có chư thiên được gọi là thần mây mưa. Khi chư thiên ấy suy nghĩ: "Chúng ta hãy sống hoan hỷ với tự thân." Tùy theo tâm nguyện đó của họ mà trời mưa.

Do nhân này, do duyên này, này Tỷ-kheo, có khi trời mưa.

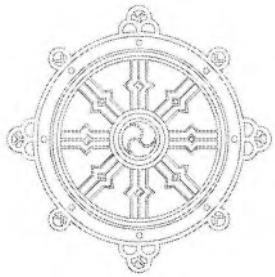

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Rain*, nghĩa là *Mưa*.